

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3100321669

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 09 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 22 tháng 05 năm 2017

Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình từ Doanh nghiệp tư nhân sang Công ty TNHH một thành viên cùng tên

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRẦN TIÊN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

TDP Cầu, Phường Quảng Thuận, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0912414121

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 4.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: TRẦN VĨ ĐÔNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/03/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 194103867

Ngày cấp: 11/01/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tiên Phan, Xã Quảng Tiên, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tiên Phan, Xã Quảng Tiên, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



BẢN SAO

* Họ và tên: **TRẦN VĂN ĐÔNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: *15/03/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *194103867*

Ngày cấp: *11/01/2014*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Quảng Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tiên Phan, Xã Quảng Tiên, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Tiên Phan, Xã Quảng Tiên, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: *1467* Quyền số: *06/2024* SCT/



Ngày: **26 -08- 2024**

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Hoài Nam



Lê Hương Trà

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 22 tháng 05 năm 2017

Số:



168722/17

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Quảng Bình*

Địa chỉ trụ sở: *Đường 23-8, Phường Đông Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Điện thoại: *052 382 5411*

Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH TRẦN TIẾN ĐẠT**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: **3100321669**

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu xây dựng.	4663(Chính)
2	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các loại vật liệu xây dựng.	4752
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
5	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

048/2024

BẢN SAO

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Ghi chú: Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH TRẦN TIÊN ĐẠT.
Địa chỉ: TDP Cầu, Phường Quảng Thuận,
Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt
Nam

-.....;
- Lưu: Internal system user.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hoài Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1.4.6.9.2. Quyền số: 0.6/2024/SCT/BS

Ngày: 26 -08- 2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Hương Trà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2640 QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ
(Cấp lần đầu: ngày 28 tháng 9 năm 2022)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 183-TB/BCSD ngày 16/6/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị thực hiện dự án và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt;

Xét ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1039/STNMT-QLĐĐ ngày 18/5/2022; Sở Xây dựng tại Công văn số 908/SXD-QHKT ngày 06/5/2022; Sở Tài chính tại Công văn số 1398/STC-TCDN ngày 28/4/2022; Sở Công Thương tại Công văn số 754/SCT-TM ngày 09/5/2022; Sở Du lịch tại Công văn số 348/SDL-KHPTDL ngày 27/4/2022; Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 1940/CTQBI-NVDTPC ngày 05/5/2022; Bảo hiểm Xã hội tỉnh tại Công văn số 1612/BHXH-QLT ngày 25/5/2022; UBND thị xã Ba Đồn tại Công văn số 777/UBND-TCKH ngày 13/5/2022;

Xét báo cáo kết quả thẩm định số 1460/KHĐT-QLĐT ngày 07/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Trần Tiến Đạt.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3100321669, đăng ký lần đầu ngày 19/9/2005, thay đổi lần thứ 3 ngày 22/5/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp;



Địa chỉ trụ sở chính: TDP Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

2. **Tên dự án đầu tư:** Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt

3. **Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng dự án nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày; dự án đi vào hoạt động sẽ tạo việc làm cho lao động địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. **Quy mô đầu tư:** Diện tích đất dự kiến sử dụng: 3.000m². Dự kiến các hạng mục đầu tư: Nhà điều hành; nhà kho chứa sản phẩm kinh doanh kết hợp trưng bày sản phẩm; nhà khách (lưu trú ngắn ngày) và các hạng mục phụ trợ khác.

5. **Vốn đầu tư của dự án:** 15 tỷ đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng). Trong đó: Vốn góp của nhà đầu tư là 3 tỷ đồng (chiếm 20%); vốn huy động 12 tỷ đồng (80%).

6. **Thời hạn hoạt động của dự án:** 30 năm

7. **Địa điểm thực hiện dự án:** Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Phạm vi khu đất: Phía Đông giáp đất trồng lúa; phía Tây giáp đất trồng lúa; phía Nam giáp đất trồng lúa; phía Bắc giáp đường giao thông.

8. **Tiến độ thực hiện dự án:** Khởi công trong vòng 12 tháng kể từ ngày Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; Hoàn thành, đưa dự án vào hoạt động trong vòng 24 tháng kể từ ngày khởi công.

9. **Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:** Dự án đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án trong thời gian 03 tháng kể từ ngày phê duyệt Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

- Tổ chức lập quy hoạch chi tiết trong phạm vi khu đất thực hiện dự án.

- Đăng ký bổ sung dự án vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện làm cơ sở để thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định.

- Được nhận chuyển nhượng, góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo đầu nối hạ tầng giao thông, điện, nước trước khi triển khai thực hiện dự án.

- Đáp ứng và duy trì việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đầu nối giao thông, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, hành lang bảo vệ an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan khác.

1236,21

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu.

- Không sử dụng dự án để chuyển nhượng hoặc góp vốn cho các tổ chức, cá nhân khác khi dự án chưa hoàn thành các hạng mục đầu tư theo Chủ trương đầu tư được chấp thuận mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

- Trường hợp Nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo đúng quy định.

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư là thủ tục ban đầu để Nhà đầu tư có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo nhằm đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai đầu tư dự án. Trong quá trình thực hiện các thủ tục này, Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến Dự án.

2. Các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm:

- Các sở, ngành, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về nội dung được lấy ý kiến và các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của mình; phối hợp, hướng dẫn và yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và chủ trương đầu tư Dự án; trường hợp có phát sinh các vướng mắc về pháp lý thì kịp thời kiến nghị UBND tỉnh xử lý theo quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, thị xã Ba Đồn và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm theo dõi, đốc thúc và hỗ trợ Nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục về đất đai (chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất) trong vòng 12 tháng kể từ ngày có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Trong quá trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết, Sở Xây dựng và các địa phương có liên quan xác định chính xác vị trí thực hiện dự án theo đúng chủ trương đầu tư đã được phê duyệt, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thuận lợi trong quá trình đầu tư, kết nối hạ tầng; tránh bố trí phân tán, manh mún, gây ảnh hưởng đến việc xem xét chủ trương đầu tư các dự án lân cận trong khu vực.

- Quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư nếu phát hiện có đất, tài sản gắn liền với đất là tài sản công, đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, di tích lịch sử, văn hóa, đất, công trình an ninh quốc phòng hoặc đất, tài sản gắn liền với đất khác được quản lý đặc thù hoặc đất thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm tham mưu xử lý theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp, xử lý tài sản công

trước khi thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện Dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện đầy đủ, chính xác, chặt chẽ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm tuân thủ đúng quy định về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan; thường xuyên kiểm tra, giám sát Dự án triển khai thực hiện đúng tiến độ cam kết; có biện pháp xử lý nghiêm trong trường hợp Dự án chậm tiến độ.

Điều 3: Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư: Kể từ ngày ký.

2. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là thủ tục ban đầu để Nhà đầu tư có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo nhằm đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai đầu tư Dự án.

3. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu nhà đầu tư không hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất của dự án và khởi công dự án thì Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hết hiệu lực thi hành, nhà đầu tư không được bồi thường, hỗ trợ bất kỳ khoản chi phí nào liên quan đến dự án.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu tiến độ thực hiện dự án không vượt quá 12 tháng từng mốc tiến độ tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thì không cần thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư; các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm triển khai thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo để hỗ trợ nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

5. Trong thời gian 3 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, trường hợp Nhà đầu tư chưa thực hiện nghĩa vụ quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh chấm dứt dự án theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư.

6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND thị xã Ba Đồn, Công ty TNHH Trần Tiến Đạt có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

7. Quyết định này được cấp cho Công ty TNHH Trần Tiến Đạt một bản và một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Bình.

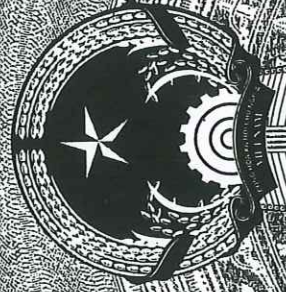
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TNMT, XD, TC, NN&PTNT, CT, DL;
- VP UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND thị xã Ba Đồn;
- UBND P. Quảng Thuận;
- Lưu: VT, TH.



Trần Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC Gắn liền với ĐẤT

Người sử dụng đất chỉ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mua bán, tặng
biếu, thừa kế) độc lập với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở
và tài sản khác gắn liền với đất.

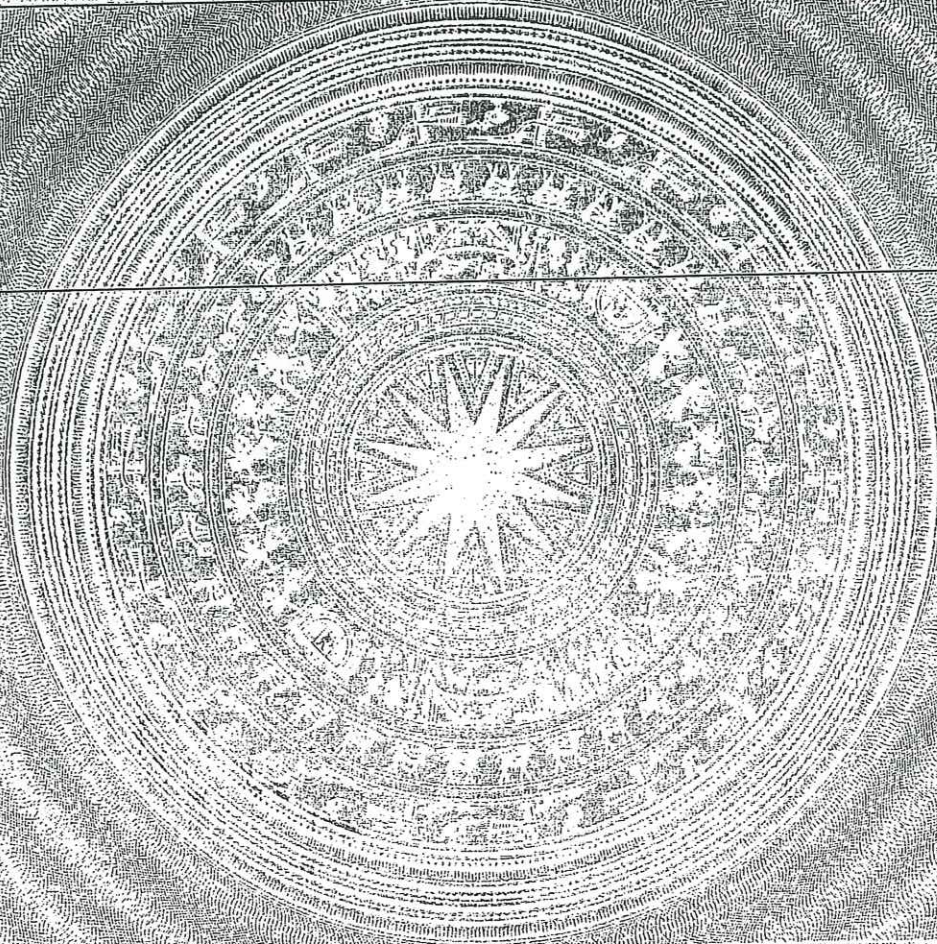
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số 100/2016/ĐKSDĐT, cấp ngày 19
tháng 9 năm 2016, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Lộ, huyện Quảng Bình,
tỉnh Quảng Bình, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2016.
Cơ quan cấp/đăng ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.
Địa chỉ vụ việc: Mặt tiền đường phố Cầu Lộ, thị trấn Cầu Lộ, huyện Quảng Bình, tỉnh Quảng Bình.

Đ0782702

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận khi bị mất hoặc hư hỏng. Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

4 4 1 9 0 8 1 2 4 0 0 6 4 9 1

1. **Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 1702, tờ bản đồ số: 8
- b) Địa chỉ: Tô dân-phố Thuận Bãi, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
- c) Diện tích: 3090,5 m² (bằng chữ: Ba nghìn không trăm chín mươi phẩy năm mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 28 tháng 9 năm 2052
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. **Nhà ở:** -/-

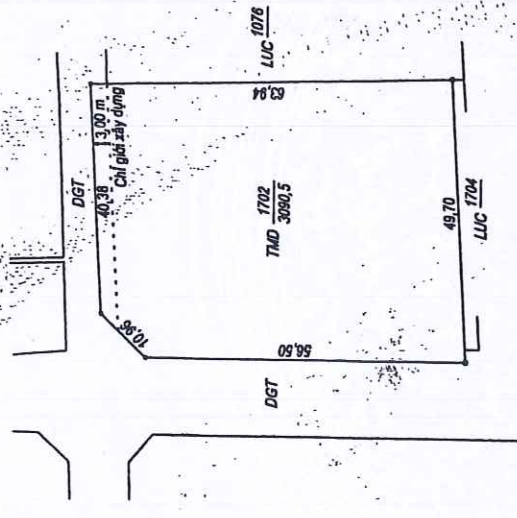
3. **Công trình xây dựng khác:** -/-

4. **Rừng sản xuất là rừng trồng:** -/-

5. **Cây lâu năm:** -/-

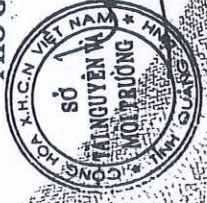
6. **Ghi chú:**

Chỉ giới xây dựng lùi 3,0 m so với chỉ giới đường đỏ.



TỈ LỆ 1:1000

Quảng Bình, ngày 05 tháng 05 năm 2024
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
TU. CHỦ TỊCH
KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hương

Số vào sổ cấp GCN: CT 14170

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36 /HĐTĐ

Quảng Bình, ngày 02 tháng 4 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Trần Tiến Đạt thuê đất để thực hiện Dự án đầu tư Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Hôm nay, ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT LÀ UBND TỈNH QUẢNG BÌNH - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Do ông: Trần Văn Khương

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện;

Trụ sở đóng tại 105 Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

Điện thoại: 0232.3823810.

II. BÊN THUÊ ĐẤT LÀ CÔNG TY TNHH TRẦN TIẾN ĐẠT

Do ông: Trần Vĩ Đông

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện;

Trụ sở đóng tại Tổ dân phố Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Mã số doanh nghiệp: 3100321669;

Điện thoại: 0912414121.

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất 3.090,5 m² (Ba nghìn không trăm chín mươi phẩy năm mét vuông) tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.



2. Vị trí, kích thước, ranh giới khu đất được xác định theo kết quả chỉnh lý địa chính thửa đất số 1702 thuộc tờ bản đồ địa chính số 8, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ 179 lập ngày 24/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình duyệt ngày 27/3/2023.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 28 tháng 9 năm 2052.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất thương mại, dịch vụ (thực hiện Dự án đầu tư Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất: Theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh Quảng Bình.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Theo thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;



BẢN SAO

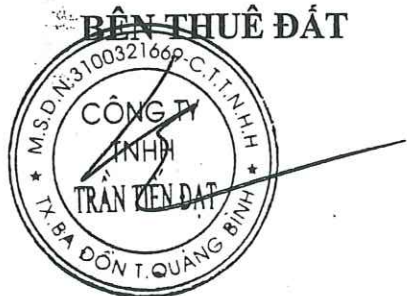
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên thuê đất giữ 01 bản, Bên cho thuê đất giữ 01 bản, 01 bản gửi đến cơ quan thuế, 01 bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất, 01 bản lưu hồ sơ. /



Trần Văn Đông



Trần Văn Khương

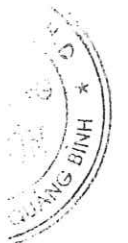
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 14700..... Quyền số: 06/2024.SCT/BS

Ngày: 26 -08- 2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Hương Trà



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 575 /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 12 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt, họp ngày 26 tháng 01 năm 2024;

Xét Văn bản số 320/STNMT-QLMT ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 16/CV ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 179/TTr-STNMT ngày 06 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thị xã Ba Đồn, Chủ tịch UBND phường Quảng Thuận và Giám đốc Công ty TNHH Trần Tiến Đạt; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.



Đoàn Ngọc Lâm

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC
Số chứng thực: 14698. Quyền số: 01/2024.SCT/BS

Ngày: 26 -08- 2024



Lê Hương Trà



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP TIẾN ĐẠT

(kèm theo Quyết định số 575 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt
- Địa điểm thực hiện: Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Trần Tiến Đạt.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích triển khai dự án: 3.090,52m².
- Ranh giới tọa độ khép góc của Dự án được giới hạn bởi 5 điểm, có tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3⁰ như sau:

Điểm	X(m)	Y(m)
1	1961243,56	546472,86
2	1961247,65	546543,50
3	1961183,73	546545,08
4	1961180,08	546481,96
5	1961235,78	546482,14

- Quy mô: Nhà khách lưu trú (4 tầng và tầng tum), nhà văn phòng - trung bày, nhà kho và một số hạng mục phụ trợ khác.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, đào đắp.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phục vụ dự án.
- Hoạt động của máy móc thiết bị thi công cơ giới.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình của dự án và các hạ tầng thiết yếu khác.
- Hoạt động vận hành của Dự án: của khách lưu trú, nhân viên, hoạt động vận chuyển hàng hoá,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ để thực hiện dự án là yếu tố nhạy cảm theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

(Signature)

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Quá trình giải phóng mặt bằng, san nền, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu; thi công các hạng mục công trình và sinh hoạt của công nhân trên công trường làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn bề mặt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, đất bóc tầng mặt, chất thải nguy hại.

- Trong giai đoạn hoạt động: Hoạt động vận hành của Dự án phát sinh nước thải của khách lưu trú, nhân viên; bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án, rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với tổng lượng phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform,... và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước thải do hoạt động xây dựng bao gồm: Nước vệ sinh dụng cụ khoảng 2 m³/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là xi măng, đất, cát xây dựng, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt thi công xây dựng. Thành phần nước mưa chảy tràn chủ yếu chứa bùn đất, cát, chất rắn lơ lửng...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 20,64 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform,... và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực dự án. Thành phần nước mưa chảy tràn chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất bẩn bề mặt, đất, cát...

3.1.2. Khí thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào, đắp và san nền, thi công các hạng mục công trình của dự án; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị, máy móc hoạt động trong quá trình thi công, xây dựng; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; bụi phát sinh do quá trình bóc dỡ

và tập kết nguyên vật liệu xây dựng... Thông số đặc trưng ô nhiễm: Bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC,...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện ra vào dự án, trên các tuyến đường nội bộ, mùi, khí thải từ thùng đựng rác, cống thoát nước, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, mùi từ quá trình đun nấu. Thông số đặc trưng ô nhiễm: mùi, bụi, CO, SO₂, NO_x, H₂S, CH₄...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân lao động của Dự án khoảng 12,5 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm thực phẩm dư thừa, nhựa, giấy, bao nilong,...

- Chất thải rắn thi công xây dựng. Thành phần bao gồm đất đá, cốp pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, sắt, thép dư thừa, dây điện thừa, dây cáp,...

- Đất hữu cơ tầng mặt đất lúa từ quá trình bốc phong hóa phát sinh khoảng 582,04m³.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án với tổng khối lượng phát sinh khoảng 104 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là giấy loại, vỏ trái cây, hoa quả hư hỏng, thực phẩm dư thừa, tài liệu in ấn hỏng...

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a. Trong giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động xây dựng của dự án chủ yếu dầu máy thải phát sinh ước tính là 372,5 lít/lần thay; Giẻ lau, bao bì dính dầu mỡ: ước tính khoảng 20 kg/thời gian thi công; Các loại, bụi sơn, bột tít phát sinh khoảng 100kg/tổng thời gian thi công.

b. Đối với giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án chủ yếu: các bao bì, chai lọ đựng hóa chất, đồ dùng điện tử hư hỏng, đèn neon hỏng, pin hết hạn sử dụng,...; phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc kỹ thuật: giẻ lau dính dầu mỡ, can, thùng đựng dầu nhớt,... với lượng phát sinh ước tính khoảng 3-5kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là các thiết bị ủi, xúc, trộn bê tông,... tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ phương tiện giao thông ra vào Dự án.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Trong giai đoạn xây dựng:

*** Đối với nước thải sinh hoạt:**

- Sử dụng 01 nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực lán trại để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến hút, vận chuyển bùn, cặn lắng tại bể chứa chất thải đi xử lý theo đúng quy định; sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng sẽ tiến hành bóc dỡ nhà vệ sinh di động.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

*** Đối với nước thải xây dựng:**

- Lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng;

- Bố trí thùng phi tại công trường thi công để rửa, vệ sinh dụng cụ.

- Đối với nước làm sạch dụng cụ, tận dụng lại cho việc bảo dưỡng công trình.

*** Đối với nước mưa chảy tràn:**

- Bố trí mương thoát nước phù hợp bao quanh khu vực thi công trước khi tiến hành xây dựng dự án, và bố trí các hố ga tạm thời trên trục thoát nước. Rãnh thoát nước tạm có chiều rộng khoảng 1,5m; chiều sâu 1,0m để tạo điều kiện thoát nước.

- Định kỳ khơi thông cống rãnh, tăng cường vệ sinh công trường, che phủ các bãi vật liệu, khu vực để xe để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân làm việc tại công trường.

- Hạn chế thi công vào những ngày có mưa lớn; thu dọn, nạo vét các mương thoát nước trong quá trình thi công.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

*** Đối với nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Số lượng bể tự hoại: 03 bể; Nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Đối với nước thải xám: Nước thải từ bồn rửa tay, sàn được thu gom qua tấm chắn rác sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án được thu gom, xử lý sơ bộ và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25,0m³/ngày đêm.

- Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải đầu vào → Bể Điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể Lắng → Bể Khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thoát ra mương đất phía Tây Dự án.

- Yêu cầu nước thải sinh hoạt sau khi xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

- Nước mưa trên mái của các công trình được thu bằng cầu chắn rác và dẫn xuống bằng ống đứng thoát nước mưa $\phi 60$, thoát vào hệ thống thoát nước và các hố ga thoát nước được bố trí xung quanh các công trình.

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ, bãi xe được thu gom bằng các tuyến mương thu nước mưa, dẫn về các hố ga có song chắn rác.

- Nước mưa từ các mương bê tông có nắp đậy bố trí xung quanh dự án theo độ dốc địa hình tập trung về phía Tây Nam của Dự án. Từ đây, nước mưa sẽ dẫn ra mương đất 1m dọc tuyến đường đất phía Tây của dự án, sau đó thoát theo địa hình ra sông Gianh.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Trong giai đoạn xây dựng

- Che chắn toàn bộ khu vực thi công bằng tôn cao trên 2m để hạn chế khả năng phát tán bụi từ công trường ra khu vực xung quanh;

- Che chắn các bãi tập kết nguyên vật liệu (xi măng, sắt thép, đá dăm...) chưa dùng đến bằng bạt hoặc tôn để tránh, hạn chế bụi cuốn khi có gió;

- Thực hiện phun ẩm đoạn đường vào khu vực dự án, trên tuyến đường vận chuyển đoạn đi qua các khu dân cư và tại các khu vực có khả năng phát sinh bụi lớn trên công trường. Tần suất phun ẩm phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, tăng tần suất phun ẩm vào những ngày nắng nóng khô hanh, nhiều gió.

- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh sạch sẽ lượng đất cát rơi vãi, cát bay đoạn tuyến đường bê tông đoạn qua dự án và vệ sinh bề mặt khu vực thi công sau mỗi ngày làm việc để thu gom lượng đất, đá, cát, vật liệu dư thừa rơi

vãi trên bề mặt nhằm hạn chế bụi cuốn khi thời tiết có gió hoặc bị cuốn trôi khi thời tiết khu vực có mưa;

- Không vận chuyển nguyên vật liệu tập trung cùng một lúc, thi công đến đâu tiến hành vận chuyển nguyên vật liệu về khu vực công trình đến đó để hạn chế bụi phát tán ra môi trường và giảm lưu lượng xe vận chuyển tập trung.

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành; xe chạy đúng tốc độ quy định; thực hiện đúng quy định về trọng tải cho phép để hạn chế lượng bụi phát sinh; thực hiện vận chuyển ngoài giờ cao điểm.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường đối với người lao động của Khu dịch vụ, khách lưu trú, các đơn vị vận chuyển hành khách, không để đất, cát rơi vãi lòng lề đường, các phương tiện cá nhân để đúng nơi quy định, đăng kiểm định kỳ theo đúng quy định.

- Trồng và chăm sóc đảm bảo hệ thống cây xanh theo đúng thiết kế để đảm bảo vì khí hậu ở khu vực Dự án.

- Trang bị thùng rác phân loại, có nắp đậy tại các khu vực chức năng, dọc các tuyến đường và rác được thu gom trong ngày.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

*** Chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; bố trí 03 thùng rác 100 lít có nắp đậy để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý trong ngày theo đúng quy định.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà tự thu gom vào các thùng chứa rác theo đúng quy định.

*** Đối với chất thải rắn thông thường khác:**

- Đối với chất thải rắn xây dựng: chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng như sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đất, cát, xi măng, gạch vỡ,... được thu gom

và tập trung cho hoạt động xây dựng. Các loại không tập trung được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định. Chất thải xây dựng phải được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án.

- Đối với lượng đất bóc phong hóa: Khối lượng đất bóc phong hóa là tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước phải được bảo vệ và sử dụng hiệu quả vào mục đích nông nghiệp, vận chuyển đến khu vực được sự cho phép của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

b. Trong giai đoạn hoạt động

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

- Bố trí các thùng rác 5 lít có nắp đậy tại mỗi phòng ngủ và các thùng thu gom rác có thể tích 50 lít có nắp đậy tại các khu vực nhà kho, khu vực phòng chờ, nhà trưng bày, góc sân,... để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, sau đó tập kết vào các thùng rác 100 lít có nắp đậy được đặt khu đất hạ tầng kỹ thuật; và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác theo đúng quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thực hiện dự án nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 100l có nắp đậy kín, có dán nhãn, mã chất thải nguy hại theo quy định, đảm bảo không rò rỉ, đặt tại khu vực công trường để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Trong giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 100l để lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định, có nắp đậy, dán nhãn CTNH, mã CTNH theo đúng quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải kín, có mái che, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép;

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn, rung do thiết bị thi công và vận chuyển sinh ra;

- Bố trí lịch thi công hợp lý cho các đơn vị, tổ, nhóm công nhân thi công, nhất là ở các vị trí gây ồn lớn nhằm hạn chế các tác động đến sức khỏe người công nhân và dân cư;

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn phải được trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân làm việc;

- Không tập trung phương tiện vận chuyển vào cùng một thời gian để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến môi trường sống của cư dân hai bên tuyến đường vận chuyển.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Bố trí các biển báo, tuyên truyền ý thức giữ gìn an ninh, trật tự cho các lái xe, trong đó yêu cầu không bóp còi khi không cần thiết, không rú ga, tuân thủ tốc độ khi đi trong các tuyến đường nội bộ của Dự án;

- Bố trí đội kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị trong toàn Dự án để đảm bảo hiệu suất hoạt động, hạn chế tiếng ồn.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư trong giai đoạn xây dựng và đi vào hoạt động

5.1. Giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát: Tại trung tâm khu vực Dự án và ranh giới các phía của Dự án.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần hoặc khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải tại khu vực lán trại

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Amoni, NO₃⁻; Dầu mỡ; Tổng Coliforms.

- Vị trí giám sát: bể thu gom nước thải sinh hoạt khu lán trại.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong quá trình thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.1.3. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: vị trí lưu chứa chất thải.
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Trong quá trình vận hành dự án

5.2.1. Giám sát chất lượng nước thải

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Amoni, NO₃⁻; Dầu mỡ; Tổng Coliforms.

- Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của Dự án.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

5.2.2. Giám sát công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: các vị trí thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, các tác động tiêu cực tại khu vực dự án và lân cận trong quá trình thực hiện dự án; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động có liên quan, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ba Đồn và các đơn vị, địa phương liên quan để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.3. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

6.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xác định chính xác ranh giới thực hiện dự án; Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông; cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

6.5. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cải thiện môi trường lao động, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc.

6.6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để

thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.7. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định.

6.8. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định./



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG*(sử dụng cho dự án)***1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH TRẦN TIẾN ĐẠT.**

- Người đại diện: Ông Trần Văn Đông – Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ thường trú: phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn.
- Số điện thoại: 0912.414.121.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt.

- Tổng số công trình: 02 công trình.
- Thông tin chung:

+ Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt tại phường Quảng Thuận được UBND tỉnh chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 28/9/2022;

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty TNHH TVTK & XD Life Space Việt Nam; được Công ty TNHH TVXD Sắc Màu Không Gian thẩm tra tại văn bản số 02A/KQTR-SMKG ngày 27/7/2024; được phê duyệt tại Quyết định số 01/PDDA ngày 29/7/2024 của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt.

+ Vị trí xây dựng: Trên thửa đất số 1702, tờ bản đồ số 8; diện tích 3.090,5m² (Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ) tại TDP Thuận Bài, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

+ Các chỉ tiêu quy hoạch của lô đất theo Quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND tỉnh, gồm: Chỉ giới xây dựng lùi 03m so với chỉ giới đường đỏ tuyến đường quy hoạch 23m phía Bắc; mật độ xây dựng tối đa là 40%; tầng cao tối đa là 05 tầng; hệ số sử dụng đất tối đa là 2,0 lần.

3. Các công trình cụ thể gồm**3.1. Công trình Nhà khách – Dịch vụ lưu trú ngắn hạn:**

- Cấp công trình: III;
- Diện tích xây dựng: 337,5m²;
- Tổng diện tích sàn: 1.320,7m² (tầng 1 là 337,5m²; tầng 2 là 313,8m²; tầng 3 là 313,8m²; tầng 4 là 313,8m²; tầng tum mái 41,8m²);
- Chiều cao công trình: 17,88m (tầng 1 cao 4,1m; tầng 2 cao 3,3m; tầng 3 cao 3,3m; tầng 4 cao 3,3m; tum mái cao 3m);

BẢN SAO

- Cốt nền tầng 1: 0,88m;
- Số tầng: 04 tầng nổi + 01 tum mái;

3.2. Công trình Nhà kho:

- Cấp công trình: III;
- Diện tích xây dựng: 800m²;
- Tổng diện tích sàn: 800m²;
- Chiều cao công trình: 8,45m;
- Cốt nền tầng 1: 0,45m;
- Số tầng: 01 tầng.

(Chi tiết tại bản vẽ được phê duyệt kèm theo)

4. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 782702 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/4/2024.

5. Ghi nhận công trình đã khởi công: Không.

6. Hiệu lực khởi công: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Đề nghị Chủ đầu tư căn cứ tiến độ Dự án để thực hiện tuân thủ theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

7. Giao Đội trưởng đội Quy tắc trật tự đô thị chủ trì phối hợp UBND phường Quảng Thuận tổ chức kiểm tra chủ đầu tư xây dựng công trình theo nội dung Giấy phép xây dựng này. Kịp thời phát hiện, tham mưu UBND thị xã xử lý nghiêm nếu có vi phạm.

8. Chủ đầu tư phải thực hiện theo các nội dung quy định tại trang 3 Giấy phép xây dựng này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công an thị xã;
- Phòng TN&MT thị xã;
- Đội QT và TTĐT;
- UBND P. Quảng Thuận;
- Lưu: VT, QLĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 14697 Quyền số: 06/2024

Ngày: 26 -08- 2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Hương Trà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

BIÊN BẢN SỐ 02

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày.đêm.

Địa điểm: Tổ dân phố Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Hệ thống xử lý nước thải Trang trại công suất 40m³/ngày.đêm.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

I. CÔNG TY TNHH TRẦN TIẾN ĐẠT (Bên A):

Ông: Trần Vĩ Đông

Chức vụ: Giám đốc

Ông:

Chức vụ:

II. TRUNG TÂM QUAN TRẮC – CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (Bên B):

Ông: Lê Anh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Đức Công

Chức vụ: Trưởng phòng CNMT

3. Thời gian thực hiện nghiệm thu:

Bắt đầu : ... giờ ... phút, ngày tháng năm 2025;

Kết thúc : ... giờ ... phút, ngày tháng năm 2025;

Tại công trình: Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt

4. Đánh giá công việc đã thực hiện :

4.1. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị hệ thống xử lý nước thải;

- Bản vẽ hoàn công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

- Hợp đồng kinh tế số 32/2024/HĐKT ký ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa Công ty TNHH Trần Tiến Đạt và Trung tâm Quan trắc – Công nghệ thông tin nông nghiệp và môi trường về việc Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt công suất 25m³/ngày.đêm.

4.2. Nghiệm hoàn thành hạng mục công trình xử lý nước thải.

TT	VẬT TƯ – THIẾT BỊ	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
1	Song chắn rác, Inox, Việt Nam gia công	Việt Nam	Bộ	1
2	Bơm nước thải chìm Bể điều hòa Q = 1-3 m ³ /h, H = 4m; 0,15KW; 1 phase/220v/50Hz, Xuất xứ: BAV-150, Đài Loan.	Đài Loan	Cái	2
3	Bơm bùn chìm bể lắng Q = 3-5m ³ /h, H = 4m; 0,15KW; 1 phase/220V/50Hz, Xuất xứ: BAV – 150, Đài Loan	Đài Loan	Cái	1
4	Máy thổi khí Q= 1 m ³ /phút, H=3m, 1,5KW, 220V/50Hz. Xuất xứ: RSS -40, Đài Loan	Đài Loan,	Cái	2
5	Bơm định lượng hoá chất Q = 30lít/h, N = 45W; 1 phase/220/50Hz, Xuất xứ: C-6125P - Blue White, USA	Mỹ	Cái	1
6	Bồn chứa hoá chất PVC 300lít, Việt Nam	Việt Nam	Cái	1
7	Hệ thống phân phối khí + ống lắng trung tâm Ống chịu nhiệt, PVC Độ Nhất và phụ kiện, ống lắng inox, Việt Nam	Việt Nam	Toàn bộ	1
8	Đĩa phân phối khí bể điều hòa và hiếu khí Đĩa thổi D270mm; Xuất xứ: Taiwan	Taiwan	cái	24
9	Vi sinh vật hiếu khí	Việt Nam	Toàn bộ	1
10	Tấm lắng lamen	Việt Nam	M3	2,2
11	Công tác nuôi cấy vi sinh	Việt Nam lắp đặt	Toàn bộ	1
12	Hệ thống điện điều khiển Contactor, Overload, Lamp, logo, controller... cho các	Việt Nam	HT	1

	thiết bị làm việc và điều khiển			
13	Hệ thống điện động lực Vật liệu Việt Nam. (không bao gồm dây điện nguồn kéo đến tủ điện)	Việt Nam	HT	1
14	Hệ thống đường ống công nghệ Ống PVC & phụ kiện, Việt Nam. (Không bao gồm đường ống thu gom nước thải và đường ống thoát nước thải sau xử lý)	Việt Nam	HT	1
15	Giá thể vi sinh MBBR Giá thể quả cầu D50 nhựa (1m ³ = 6000 trái) Xuất xứ: Việt Nam	Việt Nam	M3	3

5. Kết luận :

Các loại vật tư, thiết bị đã được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt công suất 25m³/ngày.đem đảm bảo ổn định để đi vào hoạt động.

Đồng ý nghiệm thu để đưa công trình hệ thống xử lý nước thải của khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt, công suất 25 m³/ngày đem đi vào vận hành thử nghiệm.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Trần Vĩ Đông

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



Lê Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

BIÊN BẢN SỐ 01
NGHIỆM THU VẬT TƯ, THIẾT BỊ SẢN PHẨM CHẾ TẠO SẴN
TRƯỚC KHI SỬ DỤNG

Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày.đêm.

Địa điểm: Tổ dân phố Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

I. CÔNG TY TNHH TRẦN TIẾN ĐẠT (Bên A):

Ông: Trần Vĩ Đông

Chức vụ: Giám đốc

Ông:

Chức vụ:

II. TRUNG TÂM QUAN TRẮC – CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (Bên B):

Ông: Lê Anh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Đức Công

Chức vụ: Trưởng phòng CNMT

3. Thời gian thực hiện nghiệm thu:

Bắt đầu : 15 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2025;

Kết thúc : 16 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2025;

Tại công trình: Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt

4. Đánh giá công việc đã thực hiện :

4.1. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hệ thống xử lý nước thải;

- Hợp đồng kinh tế số 32/2024/HĐKT ký ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa Công ty TNHH Trần Tiến Đạt và Trung tâm Quan trắc – Công nghệ thông tin nông nghiệp và môi trường về việc cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt công suất 25m³/ngày.đêm.

4.2. Nghiệm thu vật tư, thiết bị trước khi sử dụng.



Bảng tổng hợp vật liệu, thiết bị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải

TT	VẬT TƯ – THIẾT BỊ	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
1	Song chắn rác, Inox, Việt Nam gia công	Việt Nam	Bộ	1
2	Bơm nước thải chìm Bể điều hòa Q = 1-3 m ³ /h, H = 4m; 0,15KW; 1 phase/220v/50Hz, Xuất xứ: BAV-150, Đài Loan.	Đài Loan	Cái	2
3	Bơm bùn chìm bể lắng Q = 3-5m ³ /h, H = 4m; 0,15KW; 1 phase/220V/50Hz, Xuất xứ: BAV – 150, Đài Loan	Đài Loan	Cái	1
4	Máy thổi khí Q= 1 m ³ /phút, H=3m, 1,5KW, 220V/50Hz. Xuất xứ: RSS -40, Đài Loan	Đài Loan,	Cái	2
5	Bơm định lượng hoá chất Q = 30lít/h, N = 45W; 1 phase/220/50Hz, Xuất xứ: C-6125P - Blue White, USA	Mỹ	Cái	1
6	Bồn chứa hoá chất PVC 300lít, Việt Nam	Việt Nam	Cái	1
7	Hệ thống phân phối khí + ống lắng trung tâm Ống chịu nhiệt, PVC Độ Nhát và phụ kiện, ống lắng inox, Việt Nam	Việt Nam	Toàn bộ	1
8	Đĩa phân phối khí bể điều hòa và hiếu khí Đĩa thổi D270mm; Xuất xứ: Taiwan	Taiwan	cái	24
9	Vi sinh vật hiếu khí	Việt Nam	Toàn bộ	1
10	Tấm lắng lamen	Việt Nam	M3	2,2
11	Công tác nuôi cấy vi sinh	Việt Nam lắp đặt	Toàn bộ	1
12	Hệ thống điện điều khiển Contactor, Overload, Lamp, logo, controller... cho các thiết bị làm việc và điều khiển	Việt Nam	HT	1

13	Hệ thống điện động lực Vật liệu Việt Nam. (không bao gồm dây điện nguồn kéo đến tủ điện)	Việt Nam	HT	1
14	Hệ thống đường ống công nghệ Ống PVC & phụ kiện, Việt Nam. (Không bao gồm đường ống thu gom nước thải và đường ống thoát nước thải sau xử lý)	Việt Nam	HT	1
15	Giá thể vi sinh MBBR Giá thể quả cầu D50 nhựa (1m ³ = 6000 trái) Xuất xứ: Việt Nam	Việt Nam	M3	3

Các vật tư, thiết bị được giao tất cả đều mới nguyên 100%, đúng chủng loại, xuất xứ theo hợp đồng kinh tế số 32/2024/HĐKT ký ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa Công ty TNHH Trần Tiên Đạt và Trung tâm Quan trắc – Công nghệ thông tin nông nghiệp và môi trường về việc cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải khu dịch vụ tổng hợp Tiên Đạt, công suất 40 m³/ngày đêm.

5. Kết luận :

Đồng ý nghiệm thu để tiến hành lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Trần Văn Đông

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



Lê Anh Tuấn

